

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2022/HS-PT
Ngày 30-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE*****- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp TP 1, xã TL, huyện CT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn M, sinh năm (không rõ) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; vợ: Lâm Thị Ánh H, sinh năm 1988; con: có 01 người con sinh năm 2010; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông Lê Văn S là Luật sư - Văn phòng luật sư Lê S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; có mặt.

+ Bà Hồ Thị Ngọc Tr - là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp TĐ, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 Phut ngày 08/12/2019, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn V tìm Nguyễn Thành Ph để rủ đá gà nhưng khi đến thì thấy Ph đang ngồi uống rượu ở nhà Nguyễn Văn H tại ấp TP1, xã TL, huyện CT cùng với Nguyễn Thành Q (em ruột Ph), Võ Triết Đ và Nguyễn Văn L (con của H). Tại đây, giữa T và Ph cấp độ đá gà không thành nên xảy ra mâu thuẫn, sau đó nhóm của T ra về.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T, D, T, V quay lại nhà Ph để nói chuyện giảng hòa nhưng khi đến Ph vẫn còn đang ngồi uống rượu tại nhà của H nên nhóm của T ra về. L này, Ph nghĩ nhóm của T đến gây sự nên Ph cầm tuýp sắt dài 1,08m, Nguyễn Thành Q cầm 01 tuýp sắt dài 69,5cm cùng với L và H rượt đuổi đánh nhóm của T. Khi Ph rượt theo được khoảng 100m cách ngã ba PL khoảng 20m và cách quán cà phê của Lê Văn Ng 06m thì Ph đuổi kịp T và dùng tuýp sắt đánh trúng vào người của T làm T té ngã, sau đó T nhặt hai miếng gỗ bên đường cầm trên hai tay đứng dậy đánh trúng vào vùng đầu, mặt và mắt trái của Ph gây thương tích, làm Ph ngã xuống đường bất tỉnh tại chỗ. Sau khi đánh Ph té ngã, T vứt hai miếng gỗ tại hiện trường rồi bỏ về.

Trong lúc Ph đuổi đánh T thì H đuổi đánh D nhưng bị D đè xuống đất, thấy cha mình đang bị D bóp cổ nên L dùng cây đánh vào người D bị thương tích nhẹ. Nguyễn Thành Q cầm tuýp sắt đánh trúng vào bắp tay phải Nguyễn Văn V làm Việt té ngã, sau đó V nhặt được một khúc gỗ đánh trả lại Q gây thương tích nhẹ, riêng T không tham gia đánh nhau. Sau đó, T, D, T và V ra về, còn Ph được mọi người đưa đi cấp cứu.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc dép trái loại dép kẹp màu đen trên dép có chữ Asiasport;
- 01 (một) thanh kim loại dài 1,08m;
- 01 (một) thanh kim loại dài 69,5cm, đường kính 04cm, trên thanh sắt có gắn đoạn bu rông dài 08cm, đường kính 0,5cm;
- 10 (mười) miếng gỗ, trong đó:
 - + miếng thứ nhất dài 32cm bề bản 03cm;
 - + miếng thứ hai dài 42cm bề bản 06cm;
 - + miếng thứ ba dài 50cm bề bản dài 09cm;
 - + miếng thứ tư dài 58cm bề bản 02cm;
 - + miếng thứ năm dài 45cm bề bản 09cm;
 - + miếng thứ sáu dài 47,5cm bề bản 03cm;
 - + miếng thứ bảy dài 81cm bề bản 03cm;
 - + miếng thứ tám dài 36cm bề bản 05cm;
 - + miếng thứ chín và thứ mười mỗi miếng dài 33cm, bề bản 05cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 01-0120/TgT ngày

10/01/2020 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận đối với Nguyễn Thành Ph:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sung nề vùng đầu, mặt. Vết thương mũi dài 02cm đã lành sẹo, kích thước 01,5cm x 0,2cm: 03%. Mắt trái: Vết thương mi mắt dưới đã lành sẹo, kích thước 02,5cm x 0,1cm: 03%. Vết thương rách củng mạc, giác mạc cực trên từ 09 đến 13 giờ, phôi tổ chức nội nhãn, kết mạc phù nề, sáng tối âm tính, võ nhãn cầu: 55%.

+ Hiện: Đã đặt mắt giả.

- CT Scanner sọ não: Gãy thành ngoài hốc mắt trái: 05%.

- Tay trái biến dạng vùng bàn tay.

+ Xquang bàn tay trái: Gãy xương bàn ngón IV: 06%.

+ Điều trị bảo tồn.

+ Hiện: Ngón tay cử động bình thường.

Cơ chế hình thành vết thương do vật rắn có cạnh gây ra.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 62%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “*Tội cố ý gây thương tích*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành Ph số tiền 28.866.183 (hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm tám mươi ba) đồng;

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Phạm Thị Đ không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian nuôi Nguyễn Thành Ph điều trị thương tích; Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V không yêu cầu Nguyễn Văn T hoàn lại số tiền đã bồi thường cho Nguyễn Thành Ph nên ghi nhận.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 26/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu chuyển tội danh từ điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự sang điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và cho hưởng án treo, yêu cầu giảm tiền bồi thường

Tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi dùng 02 miếng gỗ đánh gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại Nguyễn Thành Ph là 62% như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị hại Nguyễn Thành Ph trình bày đã bị bị cáo dùng 02 miếng gỗ đánh gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 62%. Bị hại đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không kháng cáo. Bị hại không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù; xét thấy bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên với mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành Ph số tiền 28.866.183 đồng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, e khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 590 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành Ph số tiền 28.866.183 đồng. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: không đồng ý với khoảng cách 07 mét từ vị trí đánh nhau đến vị trí đóng gỗ, yêu cầu được thực nghiệm điều tra lại từ đầu.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận:

+ Luật sư cho rằng nhóm của bị cáo không có lời lẽ xúc phạm đối với nhóm của bị hại. Do bị hại dùng hung khí đánh bị cáo, bị cáo không còn cách nào khác phải

nhặt 02 miếng gỗ dưới đường đánh lại bị hại. Khi bị cáo té ngã thấy có 02 miếng gỗ nên lấy đánh lại bị hại, Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo khi bị đánh té đã đứng dậy chạy lại đóng gỗ lấy 02 miếng gỗ quay lại đối đầu đánh nhau với bị hại là không phù hợp; nếu có thể được thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể hoãn phiên tòa để thực nghiệm điều tra lại. Hành vi của bị cáo mặc dù gây thương tích cho bị hại nhưng thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại có lỗi, gia đình bị cáo khó khăn, hiện tại bị cáo đã ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 28.866.183 đồng là chưa phù hợp vì bị hại cũng có lỗi, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo.

+ Trợ giúp viên pháp lý thống nhất với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm xem xét hoàn cảnh của bị cáo khi bị bị hại tấn công có thể sẽ đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

- Bị hại không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Phúc thẩm: bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa Phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 16 giờ 30 Pht ngày 08/12/2019, tại ấp TĐ, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng 02 miếng gỗ đánh trúng vào vùng đầu, mặt và mắt trái của Nguyễn Thành Ph gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại Nguyễn Thành Ph là 62%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã dùng 02 miếng gỗ là hung khí nguy hiểm đánh gây tử lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 62%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, hung khí gây án và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” theo điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T yêu cầu chuyển tội danh từ “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự sang “Tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và cho hưởng án treo, thấy rằng:

- Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo nại ra rằng không thừa nhận kết quả thực nghiệm điều tra. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm điều tra là do bị cáo tự diễn lại hành vi phạm tội của mình một cách khách quan, đúng bản chất của vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác. Căn cứ vào biên bản thực nghiệm điều tra ngày 02/10/2020 (bút lục số 327 - 330), sơ đồ thực nghiệm điều tra ngày 02/10/2020 (bút lục số 331) và bản ảnh thực nghiệm điều tra (bút lục số 332) xác định: từ vị trí bị hại tấn công bị cáo (vị trí ký hiệu số 2) cách vị trí H, L và D đánh nhau (vị trí ký hiệu số 4) là 4,7 mét; từ vị trí H, L và D đánh nhau (vị trí ký hiệu số 4) cách vị trí đồng gỗ (vị trí ký hiệu số 1) là 2,4 mét. Như vậy, có cơ sở xác định từ vị trí bị hại tấn công bị cáo đến vị trí đồng gỗ là 7,1 mét. Do đó, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cho rằng khi bị hại tấn công bị cáo, bị cáo té xuống đường ngay bên cạnh có đồng gỗ nên bị cáo cầm miếng gỗ đánh lại bị hại là không có cơ sở chấp nhận; mà có cơ sở khẳng định khi bị hại tấn công bị cáo làm bị cáo té ngã, thì bị cáo đứng lên chạy đến nơi có đồng gỗ nhặt 02 miếng gỗ và quay lại đánh bị hại nhiều cái, đến khi bị hại không còn khả năng chống trả thì bị cáo mới bỏ đi. Bị cáo cũng thừa nhận do bị hại đánh bị cáo nên bị cáo đánh trả lại bị hại; điều này thể hiện ý thức của bị cáo là cố ý đối đầu với bị hại; bởi lẽ khi bị cáo bị té đã đứng lên và chạy lại nơi có đồng gỗ cách vị trí đánh nhau với bị hại là 7,1 mét, lúc này bị cáo hoàn toàn có đủ điều kiện để lựa chọn phương án khác, bị cáo có thể bỏ chạy để tẩu thoát hoặc để tránh xảy ra việc đánh nhau, nhưng bị cáo không bỏ chạy mà cầm 02 miếng gỗ quay lại đối đầu đánh nhau với bị hại, hậu quả bị cáo đã gây tử lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 62%. Hành vi của bị cáo đã cấu thành “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy bị cáo kháng cáo yêu cầu xét xử về “Tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và tại phiên tòa

yêu cầu được thực nghiệm điều tra lại là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử Phúc thẩm chấp nhận;

- Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; “*tự nguyện bồi thường một phần hậu quả*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; “*thuộc diện hộ cận nghèo, có con nhỏ, bị hại có một phần lỗi*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo; đã xử phạt bị cáo 06 năm tù. Hội đồng xét xử Phúc thẩm xét thấy: bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 14 năm, phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến sức khỏe của bị hại, làm bị hại hư mắt phải đặt mắt giả, gây ảnh hưởng xấu đến thẩm mỹ của bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 06 năm tù là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra, bị hại cũng có lỗi, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; với khung hình phạt mà bị cáo phải chịu thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để xét xử bị cáo theo tội danh khác thuộc loại nhẹ hơn và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và cho hưởng án treo; mà chỉ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T yêu cầu giảm tiền bồi thường, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền: 68.866.183 đồng (gồm: chi phí điều trị thương tích 21.066.183 đồng, tổn thất về tinh thần bằng 20 tháng lương cơ bản x 1.490.000 đồng/tháng = 29.800.000 đồng, tiền mất thu nhập 18.000.000 đồng), đã bồi thường trước 40.000.000 đồng, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền còn lại 28.866.183 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận đã đồng ý thỏa thuận bồi thường tiền thuộc cho bị hại là 21.066.183 đồng; riêng các

khỏa khác không thỏa thuận bồi thường được nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường và bị cáo không đồng ý, do bị hại cũng có lỗi nên bị cáo yêu cầu được giảm bớt phần bồi thường thiệt hại theo Bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền còn lại 28.866.183 đồng là phù hợp; quyết định của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm bớt tiền bồi thường đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[6] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[7] Người bào chữa đề nghị thực nghiệm điều tra lại, xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo điểm b khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo và giảm tiền bồi thường đối với bị cáo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự Phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T; sửa Bản án sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, e khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 590 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành Ph số tiền: 28.866.183 (hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm tám mươi ba) đồng;

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của

số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Bà Phạm Thị Điều không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian nuôi Nguyễn Thành Ph điều trị thương tích; ông Nguyễn Văn Dứt và ông Nguyễn Văn Việt không yêu cầu Nguyễn Văn T hoàn lại số tiền đã bồi thường cho Nguyễn Thành Ph nên ghi nhận.

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí hình sự Phúc thẩm.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Phúc thẩm.

5. Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Châu Thành (3b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã TL, h. CT (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Văn Thông